

Người Công giáo Việt Nam với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) qua một số nghiên cứu

Ngô Quốc Đông^(*)

Tóm tắt: Bài viết tổng thuật một số góc nhìn cũng như quan điểm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước dựa trên một số nghiên cứu có chọn lọc gắn trực tiếp với vấn đề người Công giáo Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1945-1954.

Từ khóa: Người Công giáo, Lực lượng cách mạng, Kháng chiến chống Pháp 1945-1954

Abstract: The article reviews some perspectives of Vietnamese and foreign scholars based on selective studies that directly linked to the issue of Vietnamese Catholics in the Resistance against French colonialism in the period 1945-1954.

Keywords: Catholics, Revolutionary Forces, Resistance against French Colonialism 1945-1954

1. Mở đầu

Sau sự kiện Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong quá trình tái chiếm Việt Nam, thực dân Pháp đã lợi dụng Công giáo cho các mục đích chính trị, quân sự. Trên thực tế, mối quan hệ giữa những người Công giáo Việt Nam với phong trào kháng chiến do Việt Minh lãnh đạo trở nên hết sức nhạy cảm và phức tạp, đặc biệt là ở vùng Bùi Chu, Phát Diệm, Sài Gòn - những nơi tập trung nhiều đồng bào Công giáo sinh sống. Từ đó đã hình thành hai lập trường, hai thái độ chủ đạo của người Công giáo Việt Nam: một là những người Công giáo

ủng hộ, tham gia kháng chiến; và hai là một bộ phận những người Công giáo theo chủ trương chung của Giáo hội La Mã - bị cấm không được cộng tác với phong trào của những người cộng sản Việt Nam, cho dù mục đích cuối cùng của phong trào này là giải phóng đất nước khỏi ngoại xâm, giành độc lập tự do cho dân tộc. Bài viết tổng thuật một số nghiên cứu chọn lọc về vấn đề người Công giáo ở Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

2. Ý đồ chính trị của thực dân Pháp muốn chia rẽ người Công giáo với Việt Minh

Vào Cách mạng mùa Thu tháng Tám năm 1945, các giáo sĩ ngoại quốc rất lo lắng và sửng sốt vì các phần tử trung thành với giáo hội - những giáo dân, chủng sinh lại

^(*) TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: ngoquocdongkt@gmail.com

hòa mình vào các phong trào do Việt Minh lãnh đạo. Điều này đã được ghi rõ trong một số nghiên cứu (Hương Khê, 1999; Clémentin, 1971). Tuy nhiên, không lâu sau đó, từ cuối năm 1945 đầu năm 1946, người Công giáo Việt Nam, nhất là các chức sắc đứng đầu như giám mục Lê Hữu Từ, Ngô Đình Thục, lại e ngại với phong trào đó. Nguyên nhân cơ bản là những vị chức sắc này đã biết phong trào Việt Minh do cụ Hồ Chí Minh lãnh đạo chính là phong trào cộng sản (Đoàn Độc Thụ, Xuân Huy, 1971). Khi ấy, Giáo hội dưới thời Giáo hoàng Pio XII đang lên án cộng sản gay gắt, nhất là sau khi Cách mạng Trung Hoa thành công năm 1949 và phong trào cộng sản nổi lên ở Ý cùng thời điểm, điều này dẫn đến việc giáo hội cấm giáo dân và chức sắc không được cộng tác với các phong trào do cộng sản lãnh đạo (Trần Tam Tĩnh, 1988).

Trên thực tế, việc tập trung đông người Công giáo tại Bắc bộ có thể đem lại sự thay đổi tương quan nếu các bên tham chiến tranh thủ được khối cư dân này. “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đương đầu với một nhiệm vụ hết sức khó khăn: Ngay từ bước đầu phải tìm cách xây dựng nhà nước, đồng thời tiến hành cuộc đấu tranh gian khổ nhằm thống nhất đất nước. Trong tổng thể các vấn đề chính trị của Việt Nam, yếu tố Công giáo không giữ một vai trò quan yếu. Tuy nhiên là nhóm tôn giáo có tổ chức, thuần nhất và lớn mạnh nhất, có lẽ Công giáo có một trọng lượng nhất định trong cán cân quyền lực chung” (Trần Thị Liên, 2005: 1).

Các nghiên cứu khác (Quang Toàn-Nguyễn Hoài, 1988; Nguyễn Quang Hưng, 2002) đều ghi nhận việc thực dân Pháp tái chiếm Việt Nam (1945-1954) để chống lại Việt Minh (phong trào cộng sản) cũng đồng thời với thời kỳ Giáo hội chống chủ

nghĩa cộng sản, vô thần gay gắt. Bởi vậy thực dân Pháp đã tìm cách lợi dụng cộng đồng Công giáo tại Việt Nam, nhất là vùng đồng bằng Bắc bộ, để chống lại phong trào của Việt Minh với danh nghĩa là chống cộng sản vô thần, bảo vệ đạo. Một số tác giả khác cho rằng, việc thực dân Pháp tái chiếm Việt Nam nằm trong trật tự Chiến tranh Lạnh, trong đó có sự hậu thuẫn của Mỹ (Nguyễn Văn Hương, 2016). Sự hậu thuẫn của Mỹ chính là để cho Pháp lôi kéo tất cả người Công giáo Việt Nam chống lại phong trào của Việt Minh bằng cách đưa hồng y Spelle man (người Mỹ) sang Việt Nam năm 1951 (Trần Tam Tĩnh, 1988; Tran Thi Lien, 1996).

Một số tác giả là linh mục Công giáo khác cũng đồng quan điểm rằng, việc thực dân Pháp lợi dụng khối Công giáo Việt Nam đều có những lý do liên quan đến sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản. Theo linh mục Trương Bá Cẩn: ở Việt Nam, chống cộng bắt đầu từ những năm 1930 ở Nghệ - Tĩnh - Bình, nghĩa là sau phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và sau thông điệp Chúa cứu thế (Divini Reclemptoris) của Giáo hoàng Pio XI về chủ nghĩa cộng sản vô thần. Đặc biệt vụ Trảng Định (Hà Tĩnh) được truyền tụng trong dư luận Công giáo Nghệ - Tĩnh - Bình như một minh họa cho luận điểm “Cộng sản chủ trương tiêu diệt Công giáo”. Sách báo chống cộng ở đây trong thời gian này xuất bản khá nhiều. Lúc cách mạng thành công, sách bị linh mục hủy hết (Trương Bá Cẩn, 1996). Còn theo linh mục Thiện Cẩm, Giáo hội đã lên án một hệ thống lý thuyết xã hội mác xít và hiện giờ vẫn còn lên án và “giữ gìn” nhân loại khỏi ảnh hưởng của cộng sản. Người ta còn cho rằng, Giáo hoàng Pio XII dè dặt lên án Đức quốc xã với hy vọng đánh đổ được cộng sản (Thiện Cẩm, 1999).

Tuy nhiên, nhìn nhận xa hơn vấn đề ở thời điểm của cuộc tái chiếm, người ta thấy mối quan hệ giữa giáo hội và chủ nghĩa thực dân đã tồn tại khăng khít trước đó - khăng khít như một hội trăn tục (Clémentin, 1971). Hoạt động của giám mục như Francois Pallu lúc đó là với vai trò người tiên phong, tiền trạm (précurseur) để báo cáo cho phía Pháp các vấn đề thương mại ở miền Đông.

Chỉ ít ngày sau khi quân Pháp trở lại xâm chiếm Đông Dương, ngày 05/10/1945, Chính phủ Pháp bổ nhiệm Đô đốc Goerges Thaerry D'Argenlien - một tu sĩ dòng Carmelo - làm Cao ủy Pháp tại Đông Dương. Đây có phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay vấn đề Công giáo đã đóng một vai trò nhất định trong quyết định này của De Gaulle? Việc Đô đốc D'Argenlien làm Cao ủy đã khiến dư luận trong và ngoài Công giáo bấy giờ chú ý. Mặc dù cố phân tách giữa trách nhiệm công dân với chức thánh linh mục trong một con người và cho rằng sự nghi kỵ là sai lầm, nhưng bên trong bộ trang phục quân nhân của Đô đốc D'Argenlien có ẩn một nhà tu hành Công giáo. Linh mục Trần Tam Tỉnh nhận định: "Có lẽ ông [De Gaulle] hy vọng vị linh mục - lính này sẽ thành công trong việc quy tụ dân Công giáo lại đi theo ủng hộ mình, như hồi chinh phục lần đầu, cách đó một thế kỷ" (Dẫn theo: Lê Tuấn Đạt, 2014). Thời điểm đó, khối Công giáo Phát Diệm đã bị xáo trộn bởi người châu Âu, nhất là người Pháp. Đã có những phản ứng bằng tờ rơi của người linh mục Công giáo Việt Nam với chế độ thực dân, họ kêu gọi một giáo hội độc lập cho người Việt Nam. Còn giám mục Lê Hữu Từ, chỉ vâng phục thẩm quyền Vatican, đã chống cả Việt Minh cộng sản và Pháp. Khu vực giám mục cai quản như một công quốc được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa quốc gia và tinh thần

Công giáo (Lanneau, 2011: 82-83). Với sự lợi dụng của thực dân Pháp, đến năm 1951, Hội nghị các giám mục Đông Dương tại Hà Nội đã chính thức ra Thư chung cấm mọi người Công giáo tham gia các phong trào của cộng sản (Trần Tam Tỉnh, 1988).

Như vậy, các tác giả đều thống nhất ở một số điểm sau: Việc thực dân Pháp lợi dụng người Công giáo chống lại kháng chiến là nằm trong trật tự của cuộc chiến tranh ý thức hệ giữa vô thần và hữu thần, giữa cộng sản và tư bản. Thực dân Pháp đã sử dụng chính các vị đô đốc, chức sắc là người Công giáo để lôi kéo người Công giáo Việt Nam không cộng tác với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc do Việt Minh lãnh đạo.

3. Lý do người Công giáo tham gia kháng chiến với Việt Minh

Trong bối cảnh ngặt nghèo, tương chừng không có cơ hội để tham gia kháng chiến cùng lực lượng Việt Minh chống lại sự tái chiếm của thực dân Pháp, vẫn có một bộ phận không nhỏ những linh mục và giáo dân Việt Nam ủng hộ Chính phủ kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, một số còn theo kháng chiến như các linh mục Nguyễn Bá Luật, Nguyễn Bá Sang, Nguyễn Bá Kính, Phạm Bá Trực, Hoàng Quang Tự... Động lực nào khiến họ dấn thân bất chấp sự lợi dụng của thực dân Pháp cũng như những trở ngại từ phía giáo quyền như vậy?

Các tác giả không phải người Công giáo (Đỗ Quang Hưng, 2003; Nguyễn Quang Hưng, 2002; Nguyễn Hồng Dương, 2008; Ngô Quốc Đông, 2007 và 2009) đều thống nhất quan điểm rằng, sở dĩ người Công giáo dấn thân với cách mạng và tham gia kháng chiến là vì những lý do sau đây: (1) Để xóa bỏ tâm lý mặc cảm do lịch sử truyền giáo để lại. Sự truyền bá Công giáo

vào Việt Nam dù vô tình hay không đều liên quan tới sự xâm lược của thực dân Pháp hồi thế kỷ XIX, điều này đã tạo ra một tâm lý đề nén đối với nhiều chức sắc và giáo dân Việt Nam. Tuy nhiên, họ không có cơ hội để thể hiện “tâm tình dân tộc” cho đến Cách mạng tháng Tám. Bước vào kháng chiến chống thực dân Pháp, dù trở ngại từ nhiều phía nhưng vẫn có nhiều người Công giáo tham gia kháng chiến với Việt Minh để xóa tan mặc cảm thân Tây, xóa nhòa đi ác cảm giữa khối cư dân không công giáo với người Công giáo. Đây được xem là lý do bên trong như những tâm sự nội tại của người Công giáo; (2) Dù người Công giáo hay không Công giáo, đã là người Việt Nam đều có tinh thần yêu nước. Động lực dân tộc chính là yếu tố kích đẩy sự dân thân của người Công giáo. Vấn đề Công giáo thời điểm này được đặt trong vấn đề quốc gia dân tộc (Đỗ Quang Hưng, 2003); (3) Bản thân sự tham gia của người Công giáo với kháng chiến còn do những đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam với tôn giáo. Chính Trần Thị Liên (2005), một tác giả người Công giáo tại Pháp, bằng các tài liệu thư khố hải ngoại, cũng khẳng định rằng, vẫn có những tự do và ưu đãi với người Công giáo trong những vùng Việt Minh chiếm đóng. Đặc biệt, các tác giả đều nhất trí cao rằng, sự tham gia của đông đảo người Công giáo với kháng chiến là do cá nhân Hồ Chí Minh dù với cương vị Chủ tịch nước nhưng đã có khả năng cuốn hút giới trí thức Công giáo đồng hành với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hồ Chí Minh như là một “kiến trúc sư” kiến thiết các mối liên hệ Công giáo với phong trào dân tộc (Trần Thị Liên, 2005). Những nhân vật Công giáo từng tiếp xúc với cụ Hồ như giám mục Lê Hữu Từ cũng thừa nhận những nỗ lực này của Chủ

tịch Hồ Chí Minh (Đoàn Độc Thư, Xuân Huy, 1971).

Riêng với một số tác giả nước ngoài và một số tác giả người Công giáo khi xem xét lý do người Công giáo dân thân với phong trào cộng sản còn nhận thấy trong họ có những tâm tình riêng ẩn chứa. Ý tưởng về việc hình thành một giáo hội Công giáo Việt Nam thoát khỏi sự chi phối của chế độ thuộc địa Pháp cũng như sự kiểm soát của các giáo sĩ ngoại quốc luôn là mong mỏi của nhiều giáo dân và chức sắc người Việt. Điều này được nhen nhóm từ đầu thế kỷ XX, theo chủ trương của Roma. Tuy nhiên, sự chuyển giao quyền lực cai quản cho chức sắc người Việt chỉ được thực hiện rất chậm chạp. Cuối cùng, sự mong mỏi này chỉ thực sự có ý nghĩa khi cuộc cách mạng dân tộc lật đổ thành công chế độ thuộc địa (Ketth, 2008). Việc hưởng ứng của các giám mục người Việt và đông đảo giáo dân trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 rõ ràng xuất phát từ những chiều kích nội tại dồn nén rất lâu trong đông đảo giáo dân Việt Nam - muốn thoát khỏi sự chi phối của người Pháp đối với hàng ngũ giáo sĩ và giáo dân Việt Nam.

Quan điểm này thống nhất với quan điểm của linh mục Thiện Cẩm rằng phải có được độc lập của quốc gia mới có thể đưa đến sự độc lập trường thành cho Giáo hội Công giáo Việt Nam. Ngoài ra, sự giải phóng khỏi lệ thuộc phương Tây của các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, đều liên quan mật thiết với biến chuyển của người Công giáo. Các giáo hội ở đây cũng muốn có quyền độc lập cai quản, thoát khỏi sự chèn ép của thực dân (Trần Văn Toàn, 2003; Falaize, 2009).

Trong những lý do dẫn đến sự dân thân tham gia kháng chiến của người Công giáo, còn có một lý do quan trọng khác là vì, họ

đã tạo ra được những luận điểm thần học làm điểm tựa cho các hoạt động dân thân với kháng chiến. Những quan điểm thần học ấy được xây dựng trên cơ sở gắn khái niệm Thiên Chúa với Tổ quốc (Ngô Quốc Đông, 2017).

4. Phân kỳ những mốc chuyển biến thái độ của người Công giáo với kháng chiến

Việc phân kỳ lịch sử được gắn với sự chuyển đổi lập trường của những người Công giáo Việt Nam với cuộc kháng chiến. Các tác giả là người ngoài Công giáo như Đỗ Quang Hưng (2003), Nguyễn Quang Hưng (2002), Nguyễn Hồng Dương (2008) thường chia hai thời đoạn: *Những ngày đầu Cách mạng tháng Tám* là thời kỳ những người Công giáo Việt Nam tương đối thống nhất trong lập trường, từ chức sắc cao cấp đến giáo dân đều ủng hộ nền độc lập Việt Nam; *Giai đoạn sau từ khoảng năm 1946 đến 1954* là thời kỳ những người Công giáo chia hai xu hướng: đồng hành với kháng chiến; hoặc chống cộng sản rồi cuối cùng bị thực dân Pháp lợi dụng. Trước đó khá lâu, Hữu Hợp - Tố Thanh (1988: 62) - những người ngoài Công giáo đầu tiên nghiên cứu về vấn đề này - đã đề cập tới hai xu hướng chính trị của người Công giáo giai đoạn 1945-1954, đó là: Những người Công giáo tham gia kháng chiến hòa nhập vào đội ngũ dân tộc để làm sáng danh Chúa, dẹp dòi dẹp đạo; Còn xu hướng kia là những người Công giáo xa lánh phong trào của dân tộc.

Nghiên cứu của Tran Thi Lien (1996) lại phân chia làm hai thời đoạn chính: 1945-1946 và 1947-1949. *Thời kỳ 1945-1946* là thời kỳ “Từ cao trào của độc lập đến tái chiếm bùng nổ” (De l’euphorie de l’indépendance à l’éclatement de la guerre). Tran Thi Lien phân tích khá chi tiết thái độ của các Giám mục Việt Nam trong những

ngày đầu độc lập, các nhân vật Công giáo, dân chúng Công giáo; đáng chú ý có đề cập tới tổ chức đoàn thể của Công giáo lúc đó và các tầng lớp người Công giáo, những nhân vật chính trị Công giáo... Còn *thời kỳ 1947-1949* là thời kỳ người Công giáo Việt Nam đứng giữa chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa cộng sản. Đáng lưu ý, tác giả đã đề cập đến sự lựa chọn chính trị của các thành phần Công giáo ở Việt Nam; kinh nghiệm của Phát Diệm ưu tiên đấu tranh vì độc lập; Chủ nghĩa quốc gia chống chủ nghĩa cộng sản định hướng giải pháp Bảo Đại - Ngô Đình Diệm... Giai đoạn từ 1952-1954 là thời kỳ Công giáo ưu tiên cho việc đấu tranh chống cộng sản (Tran Thi Lien, 1996). Nghiên cứu của Vương Đình Chữ (2010) lại phân chia hoạt động của các Giám mục, nhất là ở Bắc bộ, ra làm ba thời kỳ chuyển đổi tư tưởng lập trường là: Ủng hộ độc lập dân tộc (năm 1945); Thỏa hiệp giữa Công giáo và Việt Minh (1946-1949); Từ đối kháng ý thức hệ đến chống đối vũ trang (từ sau năm 1950). Nhìn chung, các cách phân chia này rất có cơ sở từ các dấu mốc lịch sử quan trọng của thực thể Công giáo Việt Nam.

Đề cập tới mối quan hệ giữa Việt Minh và Công giáo Việt Nam trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp tái chiếm, Barnard Fall (1960: 165-167) cho rằng, sự cộng tác của giám mục Lê Hữu Từ với Việt Minh vẫn kéo dài cho hết năm 1948 trong cương vị cố vấn Chính phủ. Cho đến năm 1949, các giám mục Việt Nam vẫn giữ một thái độ trung lập. Những xung đột giữa Việt Minh và Công giáo Bắc bộ chỉ xảy ra sau tháng 10/1949.

Người Công giáo Việt Nam những năm 1945-1954 đứng giữa phong trào chống cộng sản và chủ nghĩa dân tộc chống Pháp. Chủ trương này được giám mục Lê Hữu

Từ chọn lựa, và dựa vào giải pháp Bảo Đại do chính Pháp lập nên (Latour, 2010). Tòa Thánh đã ủng hộ cho quân đội Pháp trong việc chống cộng sản ở Việt Nam. Tướng De Lattre đi đến Rome nhằm thuyết phục Giáo hoàng Pio XII can thiệp để giám mục và người Công giáo nổi tiếng của Việt Nam tham gia chống lại Việt Minh. Sau đó, Khâm sứ Dooley đến Việt Nam tạo ra một mặt trận giáo sĩ chống cộng, ủng hộ Bảo Đại (Latour, 2010: 112). Trong thông cáo ngày 01/7/1949, Giáo hoàng cấm mọi người Công giáo tham gia vào các tổ chức của cộng sản, cấm sự tham gia của người Công giáo Việt Nam với tổ chức Việt Minh (Latour, 2010: 114).

Một giả thuyết về khuynh hướng thứ ba của Công giáo Việt Nam (1945-1954) đã được đặt ra, đó là khuynh hướng tìm kiếm một mô hình giáo hội tự trị vừa có thể chung sống với chế độ cộng sản và nhà nước, đồng thời vừa không bị phụ thuộc vào thực dân Pháp (Đỗ Quang Hưng, 2011). Điển hình cho xu hướng này là Nguyễn Mạnh Hà, Phạm Ngọc Thuần. Đây cũng là một hướng giả thuyết cần tiếp tục nghiên cứu, bởi lẽ cho đến nay các sử liệu chứng minh rõ ràng cho việc tồn tại xu hướng thứ ba này chưa nhiều và tường minh như hai khuynh hướng khác của Công giáo Việt Nam thời điểm đó.

Giả thuyết này tương đồng với ý kiến của Ronald H. Spector (2013) khi tác giả phân tích cụ thể các chuyển biến trong kế hoạch tìm kiếm hợp tác của giám mục Lê Hữu Từ để tìm kiếm một giải pháp trung lập, không theo Việt Minh, không ngả theo Pháp cũng như Bảo Đại. Việc trung lập của lực lượng Công giáo Phát Diệm được thực hiện bằng con đường thành lập khu Công giáo tự trị Phát Diệm. Tuy nhiên, việc tìm kiếm đồng minh của lực lượng Công giáo

luôn là một quá trình hai mặt, và cuối cùng giấc mơ trung lập tự trị của giám mục Lê Hữu Từ phá sản, bị cuốn theo các ý đồ chính trị của phía Pháp (Spector, 2013). Nghiên cứu của Ronald H. Spector có ý nghĩa rất lớn trong việc tìm hiểu các vận động chính trị xung quanh việc tập hợp lực lượng Công giáo vào một xu hướng nào đó, và cho thấy rằng rõ ràng cộng đồng Công giáo Bắc bộ, nhất là khu vực Bùi Chu, Phát Diệm, có vai trò cốt yếu trong kế hoạch kháng chiến của Việt Minh cũng như các động cơ chính trị của người Pháp.

5. Kết luận

Tóm lại, các tác giả trong và ngoài nước đều thống nhất cao ở thời điểm chuyển đổi thái độ chính trị của người Công giáo với kháng chiến là từ sau tháng 10/1949 khi Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm và chính thức lôi kéo người Công giáo vùng Bắc bộ vào việc đối đầu với Việt Minh. Khác với các tác giả trong nước, một số tác giả nước ngoài rất chú ý đến giai đoạn 1946 đến trước tháng 10/1949, họ cho rằng đây là thời kỳ vẫn có một sự dung hòa tương đối giữa Việt Minh và Công giáo. Đây cũng là thời kỳ những người Công giáo muốn tìm kiếm một giải pháp chính trị riêng cho mình, thoát khỏi thực dân Pháp và không bị lôi cuốn bởi phong trào cộng sản.

Về xu hướng chính trị, có ý kiến rằng có trên ba xu hướng, tuy nhiên nhìn chung đa số tác giả đều chia thành hai trào lưu chính là đồng hành với Việt Minh và khuynh hướng chống Việt minh - cộng sản.

Qua các nghiên cứu liên quan trực tiếp đến chủ đề trên, có thể rút ra một số điểm thống nhất trong những công bố kể trên như sau:

- Cơ bản các nghiên cứu cả của tác giả người Công giáo và ngoài Công giáo đều thừa nhận có sự tham gia của người Công

giáo với Cách mạng tháng Tám năm 1945 và một số giáo dân chức sắc đã tham gia kháng chiến chống Pháp tái chiếm Việt Nam. Điều đó đã xóa đi định kiến trong nghiên cứu về Công giáo Việt Nam giai đoạn 1945-1954 trước đây - đa số đều nhìn dưới góc độ tôn giáo bị lợi dụng vào các hoạt động chính trị, các hoạt động của Công giáo thời kỳ này đa phần liên quan đến chống kháng chiến. Điều này đúng nhưng chưa đủ. Trên thực tế dù bối cảnh khó khăn, bị cấm đoán bởi giáo quyền, vẫn có nhiều linh mục và giáo dân đóng góp cho cuộc kháng chiến.

- Định hình được một số mốc phân kỳ tương đối thống nhất dựa trên các sự kiện Công giáo. Các tác giả như Trần Thị Liên, Vương Đình Chử,... đều thống nhất được một số mốc phân kỳ dựa trên một số sự kiện của Công giáo. Chẳng hạn sự kiện quân Pháp nhảy dù chiếm Phát Diệm vào tháng 10/1949 là mốc quan trọng dẫn đến sự chuyển hướng hợp tác của giám mục Lê Hữu Từ với Chính phủ. Trước đó mối quan hệ giữa giám mục với Việt Minh tương đối ổn thỏa nhờ những nỗ lực của Hồ Chí Minh trong duy trì các mối quan hệ.

- Riêng với các tác giả nước ngoài, họ đã giới thiệu được một số tư liệu hiếm về các sự kiện trên qua các nguồn lưu trữ ngoại văn □

Tài liệu tham khảo

1. Antoine Tran Van Toan (2003), *L'Église Vietnamiennne et l'État communiste de 1945 à jours dans Les relations Églises-État en situation postcoloniale: Amérique, Afrique, Asie, Océanie, XIXe-XXe siècles*, Éditions Karthala, pp. 96-117.
2. Trương Bá Cần (1996), “Người Công giáo giáo phân Vinh trong những năm
- kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975)”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 17.
3. Vương Đình Chử (2010), “Tương quan giữa Giáo hội và Nhà nước: Từ thư chung 1951 đến thư chung 1980”, trong *Giáo hội giữa dòng đời*, Câu lạc bộ Phao lô Nguyễn Văn Bình, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Clémentin, J.R. (1971), “Le comportement politique des institutions catholique au Vietnam”, in: Jean Chesneaux (ed., 1971), *Tradition et révolution au Vietnam* (1971), éditions Anthropos, Paris.
5. Nguyễn Hồng Dương (2008), “Công giáo và Dân tộc thời kỳ 1946-1954”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11, tr. 18-24.
6. Lê Tuấn Đạt (2014), *Vấn đề Công giáo ở Liên khu III, khu Tả Ngạn trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Luận văn thạc sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học xã hội.
7. Ngô Quốc Đông (2007), “Sự tham gia của Công giáo đồng bằng Bắc bộ với Việt Minh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1946-1954”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9, tr. 27-37.
8. Ngô Quốc Đông (2009), “Những nhân tố tác động tới hoạt động của đồng bào Công giáo yêu nước trong Cách mạng tháng Tám năm 1945”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, tr. 15-24.
9. Ngô Quốc Đông (2017), *Người Công giáo Bắc bộ và Nam bộ với kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Luận án tiến sĩ Tôn giáo học, Học viện Khoa học xã hội.
10. Falaize, D.B.B. (2009), *Religions et colonisation: Afrique-Asie-Océanie-Amériques XVIe-XXe siècle*, Éditions Ouvreires, Paris.

11. Fall, B. (1960), *Le Viet Minh la République Démocratique du Viet Nam 1945-1960*, Librairie Armand Colin.
12. Nguyễn Văn Hưởng (2016), *Phán xét các nước lớn đã can thiệp vào chiến tranh Việt Nam như thế nào?*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
13. Đỗ Quang Hưng (2003), “Tôn giáo và cách mạng”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4, tr. 3-16.
14. Đỗ Quang Hưng (2011), “Công giáo và cách mạng (1945-1954): bài học lịch sử và ý nghĩa của nó”, trong: *Linh mục Phạm Bá Trục và đường hướng Công giáo đồng hành cùng dân tộc trong thời kỳ chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
15. Nguyễn Quang Hưng (2002), “Người Công giáo Việt Nam trong những tháng đầu sau Cách mạng tháng Tám”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 28-34.
16. Hữu Hợp, Tổ Thanh (1988), “Vài nét về Công giáo Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 1-2, tr. 61-69.
17. Keith, C. (2008), *Uplifted: The First Vietnamese Catholic Bishops and the Birth of a National Church, 1919-1945*, *Journal of Vietnamese Studies*, Vol 3(2): 128-171.
18. Hương Khê (1999), “Người Việt Nam Công giáo với Cách mạng mùa Thu 1945”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 57, tr. 5-20.
19. Lanneau, C. (2011), “Contre-propagande sur l’Indochine. La France officielle face à l’anticolonialisme en Belgique francophone (1946-1950)”, *Guerres mondiales et conflits contemporains*, N° 241, pp. 75-90.
20. Latour, F. (2010), “Le général Gambiez et les catholiques Vietnamiens pendant la guerre d’indochine”, *Guerres mondiales et conflits contemporains*, N° 239, pp. 107-118.
21. Tran Thi Lien (1996), *Les Catholiques Vietnamiens pendant la guerre D’indépendance (1945-1954) entre la reconquete coloniale et la resistance communiste*, Institut d’études politique de Paris.
22. Trần Thị Liên (2005), “Vấn đề Công giáo miền Bắc quan tư liệu lưu trữ Ba Lan (1954-1956)” (Nguyễn Ngọc Giao dịch), *Tạp chí Thời đại mới*, số 4.
23. Spector, R.H. (2013), “Phat Diem: Nationalism, Religion, and Identity in the Franco-Viet Minh War”, *Journal of Cold War Studies*, Vol. 15, No. 3, pp. 34-46.
24. Đoàn Độc Thư, Xuân Huy (1973), *Giám mục Lê Hữu Từ*, Sài Gòn.
25. Trần Tam Tỉnh (1988), *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
26. Quang Toàn, Nguyễn Hoài (1965), *Những hoạt động của bọn phản động đội lốt Thiên Chúa giáo trong thời kỳ kháng chiến 1945-1954*, Nxb. Khoa học, Hà Nội.